

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Hồ Ngọc	Long	3671030906	22/02/1991	5,00	,00	1,50	
2	Trần Quang	Huy	3671030909	20/08/1994	,00	,00	,00	CT
3	Trần Văn	Phúc	3671030924	28/06/1994	6,00	7,00	6,70	
4	Lê Minh	Mẫn	3671030937	20/12/1994	7,00	1,50	3,20	
5	Lê Anh	Tuấn	3671030955	09/06/1994	6,00	1,50	2,90	
6	Lê Văn	Thừa	3671030968	20/01/1994	,00	,00	,00	
7	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994	6,00	1,00	2,50	
8	Trần Văn	Thông	3671030973	13/08/1994	3,00	,00	,90	
9	Nguyễn Minh	Luân	3671030978	03/07/1994	6,00	,00	1,80	
10	Phạm Văn	Nam	3671030980	01/04/1992	7,00	2,00	3,50	
11	Nguyễn Tấn	Long	3671030982	12/04/1993	2,00	1,00	1,30	
12	Nguyễn Văn	Diệp	3671030984	20/07/1994	7,00	1,00	2,80	
13	Trần Văn	Từ	3671030986	04/10/1992	5,00	2,00	2,90	
14	Ngô Văn	Hiếu	3671030991	24/10/1994	6,00	1,50	2,90	
15	Tiêu Trung	Hiếu	3671031012	21/03/1994	7,00	1,50	3,20	
16	Thái Phi	Long	3671031020	27/06/1993	,00	,00	,00	CT
17	Tạ Ủi	Tăng	3671031023	20/02/1993	,00	,00	,00	CT
18	Võ Việt	Tuyển	3671031029	10/02/1994	5,00	5,00	5,00	
19	Phạm Anh	Kiệt	3671031041	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
20	Mai Huỳnh Hữu	Trí	3671031046	06/12/1993	6,00	3,00	3,90	
21	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994	5,00	,50	1,90	
22	Huỳnh Tấn	Thi	3671031055	10/10/1994	3,00	8,00	6,50	
23	Nguyễn Ngọc	Tấn	3671031064	05/01/1994	1,00	,00	,30	
24	Nguyễn Quốc	Thịnh	3671031083	03/03/1994	,00	,00	,00	CT
25	Phạm Văn	Khởi	3671031479	18/01/1994	,00	,00	,00	CT
26	Nguyễn Hải Đăng	Khoa	3671031858	28/05/1994	6,00	7,50	7,10	
27	Nguyễn Quốc	Nguyên	3671031955	06/02/1992	,00	,00	,00	CT

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)